

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2018.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trương Thị Bích Diễm.

2/ Ông Nguyễn Thành Châu .

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2016/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 466/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê T, sinh năm 1961;
Địa chỉ: Phường T1, Quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) sinh năm 1965.
Quốc tịch: New Zealand.
Địa chỉ: New Zealand.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 14 tháng 5 năm 2016, bản tự khai ngày 09 tháng 8 năm 2016 của nguyên đơn ông Lê T trình bày:

Ông và bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 2817, quyển số 15 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2013. Hai tháng sau khi kết hôn, bà C trở về New Zealand sinh sống và làm việc đến tháng 02/2015 thì trở về lại Việt Nam sống chung với ông. Tuy nhiên do có quá nhiều sự khác biệt giữa cuộc sống phương Tây và

phương Đông, sự khác nhau về quan điểm và lối sống, ông và bà C không thể hòa hợp được trong sinh hoạt hằng ngày nên cuộc sống vợ chồng ông nảy sinh những mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngày 06/9/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 977/UTTPDS-TA để thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của New Zealand thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo vụ án được đưa ra hòa giải lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 24 tháng 4 năm 2017; lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 24 tháng 5 năm 2017 và xét xử vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 23 tháng 6 năm 2017 cho bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C).

Ngày 31/10/2016, Bộ Tư pháp đã có công văn số 5067/BTP-PLQT gửi Bộ Ngoại giao hồ sơ ủy thác tư pháp lần 1 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của New Zealand.

Ngày 26/7/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 228/UTTPDS-TA30 để thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của New Zealand thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo vụ án được đưa ra xét xử vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 28 tháng 02 năm 2018 cho bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C).

Ngày 15/9/2017, Bộ Tư pháp đã có công văn số 3032/BTP-PLQT gửi cho Bộ Ngoại giao hồ sơ ủy thác tư pháp lần 2 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của New Zealand.

Ngày 22/11/2017, Bộ Tư pháp có công văn số 3547/BTP-PLQT gửi cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả ủy thác tư pháp.

Bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) trình bày tại bản tự khai ngày 27/02/2018 như sau: Bà và ông T tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 2817, quyển số 15 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2013. Ba tháng sau khi kết hôn, bà trở về New Zealand sinh sống và làm việc đến năm 2015 thì trở về lại Việt Nam sống chung với ông T. Trong thời gian sống chung hai vợ chồng không hợp nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống. Hai vợ chồng bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt được kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đồng ý ly hôn với ông T để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 02/02/2018, ông Lê T có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án.

Ngày 27/02/2018, bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án vì thời gian bà về Việt Nam có hạn, bà bận công việc nên không sắp xếp được thời gian.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm” tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét ông Lê T và bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) đang cư ngụ hợp pháp tại New Zealand thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của ông Lê T nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy đăng ký kết hôn số 2817, quyển số 15 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2013 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn khoảng 03 tháng, bà C có về New Zealand khoảng 01 năm. Năm 2015 bà về Việt Nam chung sống cùng ông T. Quá trình chung sống, cả hai đều xác nhận có mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay ông T và bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) mỗi người sống mỗi quốc gia, khả năng hàn gắn là không thể thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của ông Lê T ly hôn bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Không có.

Nợ chung: Không có

Tài sản chung: Ông Lê T khai không có. Bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Ông Lê T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Lê T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, ông T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê T.

Quan hệ hôn nhân: Ông Lê T được ly hôn với bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C).

Giấy đăng ký kết hôn số 2817, quyển số 15 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2013 không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2/ Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Nguyên đơn ông Lê T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2011/02916 ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Lê T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, ông T đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Lê T, bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND TP. HCM;
- Đường sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:..../2018/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trương Thị Bích Diễm.

2/ Ông Nguyễn Thành Châu.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số 254/2016/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2016.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê T, sinh năm 1961;
Địa chỉ: Phường T1, Quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) sinh năm 1965.
Quốc tịch: New Zealand.
Địa chỉ: New Zealand.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Quan hệ hôn nhân: Ông Lê T và bà Huỳnh Bao C (Huỳnh Bảo C) thuận tình ly hôn.

Giấy đăng ký kết hôn số 2817, quyển số 15 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2013 không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Nguyên đơn ông Lê T tự nguyện chịu án phí sơ thẩm số tiền 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2011/02916 ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Lê T tự nguyện chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, ông T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

(Đều vắng mặt).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

